

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành tại Quyết định số /QĐ-TĐHHT ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng)*

Tên chương trình: **Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Cử nhân sư phạm tiếng Anh (Bachelor of Arts in English Language Teaching)**
Mã ngành: **7140231**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học ngành Sư phạm Anh đào tạo ra những cử nhân sư phạm tiếng Anh có chất lượng tốt; có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có năng lực sư phạm tốt; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và giảng dạy tiếng Anh; có các kỹ năng cần thiết; có phẩm chất chính trị đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có khả năng tự học, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, tham gia học tập các chương trình trình độ sau đại học, đáp ứng tốt được yêu cầu giảng dạy ở các bậc học cũng như quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung

1.2. Mục tiêu cụ thể

-1.2.1. Kiến thức

Chương trình cung cấp cho người học đầy đủ và có hệ thống các khối kiến thức về lý luận chính trị, kiến thức cơ sở, ngành và chuyên ngành Sư phạm Anh. Ngoài ra, chương trình còn xây dựng cho người học kiến thức tin học và Ngoại ngữ 2 đạt chuẩn để tham gia vào nghề nghiệp sau này.

1.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng tổ chức quản lý các hoạt động giảng dạy tiếng Anh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh; Có năng lực tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, về điều kiện giáo dục trong nhà trường cũng như tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế, sử dụng các

thông tin thu được vào giảng dạy tiếng Anh; Có năng lực giao tiếp, đồng cảm với người học, tự học, biết sử dụng công nghệ tiên tiến và phương tiện dạy học đa dạng trong dạy học, chuẩn bị bài và gây hứng thú trong môn học; Có năng lực xây dựng môi trường học tập tiếng Anh tại trường, địa phương, quốc gia hay trong khu vực

1.2.3. Về thái độ

Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỉ luật và tác phong công nghiệp, có trách nhiệm công dân, yêu quê hương, tổ quốc.

Có ý thức coi trọng việc ứng dụng sáng tạo các lí thuyết và kĩ năng giảng dạy vào tình huống cụ thể tại lớp học;

Có kế hoạch không ngừng trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân;

Coi trọng việc tổ chức lớp học thành môi trường sư phạm lành mạnh để phát triển các mối quan hệ thầy - trò tích cực; đổi mới phương pháp dạy học để không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy.

1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Sư phạm tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí nghề nghiệp:

Nhóm 1: Giảng dạy

- Giảng dạy tiếng Anh ở các cấp từ mầm non đến Đại học:

Giáo viên tiếng Anh ở trường trung học phổ thông và các cơ sở đào tạo tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Giảng viên tiếng Anh ở trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức văn hóa, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Tham gia thiết kế và biên soạn giáo trình tiếng anh cho cấp có thể

Nhóm 2: Nghiên cứu và quản lý

Đảm nhận công tác chủ nhiệm các lớp học ở các cấp giảng dạy

Tham gia hoặc chủ trì các dự án nghiên cứu giảng về giảng dạy tiếng Anh cho các cấp học, các dự án về ngôn ngữ nói chung và về tiếng Anh nói riêng

Nhóm 3: Nhân viên quản trị văn phòng:

Làm việc trong các văn phòng các công ty nước ngoài, liên doanh, hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến quản lý và điều hành công việc văn phòng, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân trong các lĩnh vực kinh tế xã hội.

Nhóm 4: Nhân viên quản lý dự án:

Làm việc trong các văn phòng dự án của các công ty trong nước và nước ngoài, văn phòng dự án các ban ngành, cơ quan nhà nước; tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng, lập kế hoạch, chương trình làm việc của dự án; theo dõi tiến độ thực hiện dự án; xử lý các vấn đề phát sinh liên quan tới dự án, đặc biệt là các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

Nhóm 5: Nhân viên quản trị nhân sự

Có khả năng làm việc hiệu quả trong phòng nhân sự thuộc các cơ quan, công ty hoặc tổ chức của Việt Nam hay nước ngoài, phụ trách các công việc liên quan đến tuyển dụng nhân sự, có năng lực để tham gia vào các hoạt động chuyên môn khác nhau của tổ chức; linh hoạt, chuẩn xác và liêm chính trong sử dụng, luân chuyển và đánh giá nguồn nhân lực tại nơi làm việc, sáng tạo và năng động trong việc tìm kiếm nhân sự chất lượng cao, đồng thời có khả năng đảm bảo duy trì nguồn nhân lực thường xuyên và đầy đủ cho mọi hoạt động của cơ quan, công ty hay tổ chức mình làm việc.

Nhóm 6: Cán bộ truyền thông: có khả năng tham gia làm việc tại các cơ quan hay tổ chức truyền thông của Việt Nam hay nước ngoài (các tòa soạn báo hoặc các đài truyền hình), phụ trách các nhiệm vụ liên quan đến quản trị công việc cũng như nhân viên thực hiện các công việc cụ thể đó nhằm đảm bảo cho những công việc này được diễn ra trôi chảy và hiệu quả; bên cạnh đó, còn có khả năng phụ giúp và hỗ trợ một số công tác chuyên ngành hay giao tiếp đòi hỏi khả năng đọcviết, nghe-nói Tiếng Anh

Nhóm 7: Trợ lý/quản trị kinh doanh: có khả năng làm việc trong các phòng kinh doanh, bán hàng, tiếp thị, dịch vụ khách hàng, quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có khả năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, xử lý văn bản tốt, đặc biệt là bằng tiếng Anh; có khả năng hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ quản lý thị trường; xây dựng và khai thác thị trường mới; có khả năng làm việc độc lập, xử lý các vấn đề phát sinh một cách hiệu quả.

Nhóm 8: Biên dịch viên/ Phiên dịch viên/ Biên tập viên: Có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Nhóm 9: Thư kí văn phòng/ Trợ lí đối ngoại/ Hướng dẫn viên du lịch: Có khả năng làm việc trong các văn phòng công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh

doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lí các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

1.2.5. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học

- Ngoại ngữ: Sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ 2 đạt Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào;

- Tin học: Sinh viên đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

- Nắm bắt được những vấn đề cơ bản của Văn hoá, văn học, lịch sử, con người, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Anh, Mỹ, một số nước nói tiếng Anh; văn hóa các nước ASEAN, sự giao thoa văn hóa, liên văn hóa từ đó có thể vận dụng được những kiến thức này trong công việc;

- Nắm bắt và áp dụng được những kiến thức cơ bản trong Ngữ âm âm vị, biết tự điều chỉnh và nâng cao khả năng phát âm;

- Nắm vững những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp, từ vựng ngữ nghĩa học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ pháp, phân tích diễn ngôn, đối chiếu ngôn ngữ;

- Có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh ở bậc 5 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc;

- Có phương pháp kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh THPT, phương pháp kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh;

- Có khả năng vận dụng các kiến thức về thiết kế ngữ liệu và ứng dụng CNTT vào giảng dạy tiếng Anh; có kiến thức về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch, du lịch, thương mại, kỹ thuật; có khả năng thực hiện một dự án nghiên cứu thực tế theo chuyên ngành;

- Nắm và vận dụng tốt kiến thức về nghiệp vụ sư phạm: Tâm lý học sư phạm, phương pháp giáo dục và quản lý học sinh, biết vận dụng kiến thức về hoạt động dạy học ở các cấp học phổ thông;

- Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức đại cương chung cho chương trình sư phạm đại học nhằm trang bị các kiến thức nền tảng chung ở bậc cử nhân, kiến thức phương pháp luận, nhân sinh quan, thế giới quan, tư tưởng, đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước ... để học tập, nghiên cứu và làm việc trọn đời;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội bao gồm các kỹ năng mềm, kỹ năng ngôn ngữ, phương pháp tư duy phê phán, phương pháp nghiên cứu khoa học;

- Có kiến thức về ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vận dụng trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn;

- Đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh theo chương trình quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có năng lực sử dụng tiếng Anh ở mức C1 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), biết vận dụng các tài liệu văn học văn hóa bằng tiếng Anh trong giảng dạy và đối chiếu với văn hóa bản ngữ.

- Có khả năng tổ chức việc dạy học bằng cách sử dụng những chiến lược và các kỹ thuật đa dạng nhằm tích hợp các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thiết kế các dạng bài tập, thực hành đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học.

- Biết cách tạo môi trường học tập có tính khích lệ và có ý nghĩa với người học, cũng như tiến hành giảng dạy theo giáo án và quản lý hoạt động trong lớp để qua đó cung cấp cho người học ngữ liệu đầu vào, các cơ hội để trao đổi và thực hiện các tương tác có ý nghĩa.

- Sử dụng được các công cụ và kỹ thuật đánh giá trong suốt quá trình dạy (đánh giá thường xuyên), và vào cuối khoá học (đánh giá sự tiến bộ và đánh giá năng lực), có khả năng thiết kế và sử dụng bài đánh giá phù hợp với độ tuổi của người học, qua đó nắm được cách dạy, cũng như đo đạc được sự tiến bộ và năng lực ngôn ngữ của người học.

- Có thể sử dụng và điều chỉnh bài giảng, viết giáo trình phù hợp với giảng dạy; tìm kiếm và điều chỉnh các tài liệu, nguồn học liệu phù hợp với lứa tuổi và trình độ của người học.

- Có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết vấn đề một cách tự chủ. Hiểu được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và biết vận dụng để thực hiện những nghiên cứu đơn giản nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

** Kỹ năng mềm*

- Có khả năng nắm bắt những cơ hội bồi dưỡng chuyên môn một cách thường xuyên, đóng góp trao đổi ý kiến trong cộng đồng sư phạm, cải thiện chất lượng giảng dạy của bản thân cũng như của đồng nghiệp.

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả, vận hành và phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau, xử lý xung đột trong nhóm.

- Có thể sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint, ...) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet; có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng.

- Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu gắn liền với thực hành giảng dạy, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

- Có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục khác (công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn TNCS HCM, công tác Đội, các công tác khác khi được phân công) đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với cộng đồng.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn dân tộc, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao, định hướng với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc.

- Tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn. Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

- Có khả năng định hướng, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (*không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh*)

4. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học bổ túc văn hoá hoặc trung học chuyên nghiệp, trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển, có sức khoẻ và phẩm chất

đạo đức tốt hoặc đối tượng được tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm tuyển sinh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

Chương trình được xây dựng trên cơ sở các căn cứ:

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 14/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Yêu cầu của thị trường lao động về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn đối với nguồn nhân lực có trình độ cử nhân chuyên ngành sư phạm tiếng Anh;

- Mục tiêu đào tạo cử nhân ngành sư phạm tiếng Anh;

- Tham khảo chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Đại học sư phạm tiếng Anh của các trường đại học trong và ngoài nước (Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà nội, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Coventry của Anh)

MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Tín chỉ			HP tiên quyết	Mức đào tạo
			LT	BT /T H	Tự học		
7.1. Khối kiến thức chung: 28 TC (chưa kể các học phần GDTC và GDQP)							
7.1.1. Lý luận chính trị		13					
30411001	Những NLCB của CN Mác–Lênin 1 Principles of Marxism - Leninism 1	2	21	9	60		1
30411002	Những NLCB của CN Mác–Lênin 2 Principles of Marxism - Leninism 2	3	30	15	90	30411001	1

30421002	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	21	9	60		1
30421001	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam The Path of the Revolution of the Communist Party of Vietnam	3	30	15	90	30421002	2
30411001	Pháp luật đại cương, QLHCNN&QLN	3	30	15			1
7.1.2. Khoa học xã hội		12					
<i>- Bắt buộc</i>		3					
31013123	Phát triển kỹ năng	3	30	15	90		1
<i>- Học phần tự chọn (Chọn 3 tín chỉ)</i>		3					
30222124	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	30	15	90		1
30211123	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	33	12	90		
30221126	Tiếng Việt thực hành	3	30	15	90		
30312001	Tư duy phê phán (Critical Thinking)	3	30	15	90		
<i>- Ngôn ngữ (chọn 2 học phần T. Trung/T. Việt)</i>		6					
30322009	Tiếng Trung cơ bản 1	3	30	15	90		1
30322010	Tiếng Trung cơ bản 2	3	30	15	90	30321001	1
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3	30	15	90		1
30322014	Tiếng Việt nâng cao 2	3	30	15	90	30322013	1
7.1.3. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên		3					
<i>- Bắt buộc</i>							
30511001	Tin học đại cương	3	30	30*	75		1
7.1.4. Giáo dục thể chất		3					
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	0	30*	30		1
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*	0	30*	30		1
30992113	Giáo dục thể chất 3	1*	0	30*	30		1
7.1.5. Giáo dục quốc phòng		8					
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	90		1
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	60		1
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*	0	90*	45		1
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		102					
7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành		9					
<i>- Bắt buộc</i>		6					
30812003	Tâm lý học đại cương	3	30	15	90		1
30812004	Giáo dục học đại cương	3	30	15	90		1
<i>- Tự chọn</i>		3					

30812005	Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm	3	30	15	90	30812003	2
30812006	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	30	15	90	30812004	
30312002	Giao tiếp liên văn hóa	3	30	15	90		
30313047	Giao thoa văn hóa	3	30	15	90		
30312003	Văn hóa các nước ASEAN	3	30	15	90		
30313004	Ngôn ngữ và truyền thông <i>Language and Media</i>	3	30	15	90		
30313005	Quản trị văn phòng <i>Office Administration</i>	3	30	15	90		
30312006	Lịch sử văn minh TG <i>History of Civilization</i>	3	30	15	90		
7.2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành		66					
7.2.2.1. Kiến thức ngành		60					
<i>- Bắt buộc</i>		54					
30311007	Kỹ năng Nghe - Nói 1 <i>Listening -Speaking 1</i>	3	30	15	90		1
30311008	Kỹ năng Đọc- Viết 1 <i>Reading - Writing 1</i>	3	30	15	90		1
30312009	Kỹ năng Nghe - Nói 2 <i>Listening - Speaking 2</i>	3	30	15	90	30311007	1
30312010	Kỹ năng Đọc - Viết 2 <i>Reading - Writing 2</i>	3	30	15	90	30311008	1
30312011	Kỹ năng Nghe - Nói 3 <i>Listening - Speaking 3</i>	3	30	15	90	30312009	1
30312012	Kỹ năng Đọc - Viết 3 <i>Reading - Writing 3</i>	3	30	15	90	30312010	1
30313013	Kỹ năng Nghe - Nói 4 <i>Listening - Speaking 4</i>	3	30	15	90	30312011	2
30313014	Kỹ năng Đọc- Viết 4 <i>Reading - Writing 4</i>	3	30	15	90	30312012	2
30313029	Kỹ năng Nghe - Nói 5 <i>Listening - Speaking 5</i>	3	30	15	90		2
30313031	Kỹ năng Đọc- Viết 5 <i>Reading - Writing 5</i>	3	30	15	90		2
30313015	Kỹ năng Nghe nâng cao <i>Advanced Listening</i>	3	30	15	90	30313013	2
30313016	Kỹ năng Nói nâng cao <i>Advanced Speaking</i>	3	30	15	90	30313013	2
30313017	Kỹ năng Đọc nâng cao <i>Advanced Reading</i>	3	30	15	90	30313014	2
30313018	Kỹ năng Viết nâng cao <i>Advanced Writing</i>	3	30	15	90	30313014	2
30311019	Luyện âm <i>Pronunciation</i>	3	30	15	90		1
30311020	Ngữ pháp tiếng Anh <i>English Grammar</i>	3	30	15	90		1
30313025	Biên dịch 1 <i>Translation 1</i>	3	30	15	90	30312011 30312012	2
30314028	Ngữ âm – âm vị học <i>Phonetics and phonology</i>	3	30	15	90		3
<i>- Tự chọn (chọn 6 tín chỉ)</i>		6					
30313023	Văn hóa – Văn học Anh <i>British Culture and Literature</i>	3	30	15	90	30312011 30312012	2
30313024	Văn hóa – Văn học Mỹ <i>American</i>	3	30	15	90	30312011	

	<i>Culture and Literature</i>					30312012	
30314033	Cú pháp học <i>Syntax</i>	3	30	15	90		2
30313026	Ngữ pháp chức năng <i>Functional grammar</i>	3	30	15	90		
7.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành		6					
<i>Học phần bắt buộc</i>		6					
30314036	Tổng quan phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (Overview of English teaching methodology)	3	30	15	90		2
30314037	Phương pháp - Kỹ thuật giảng dạy, kiểm tra đánh giá Tiếng Anh (<i>Methods, Techniques, testing and assessment in ELT</i>)	3	30	15	90		3
7.2.3. Kiến thức bổ trợ		9					
<i>- Bắt buộc</i>		3					
30313025	Từ vựng học <i>Lexicology</i>	3	30	15	90		2
<i>- Tự chọn (chọn 2 trong các học phần)</i>		6					
30314022	KN thuyết trình <i>English presentation skills</i>	3	30	15	90		3
30314029	Tiếng Anh thương mại <i>Business English</i>	3	30	15	90		
30314030	Tiếng Anh du lịch <i>English for tourism</i>	3	30	15	90		
30324036	Tiếng Anh kỹ thuật <i>English for Engineering</i>	3	30	15	90		
30324037	Tiếng Anh CNTT <i>English for informatics</i>	3	30	15	90		
30314027	Ngữ dụng học <i>Pragmatics</i>	3	30	15	90		3
30314035	Ngôn ngữ học đối chiếu <i>Contrastive linguistics</i>	3	30	15	90		
30313021	Phiên dịch 1 <i>Interpretation 1</i>	3	30	15	90	30313014	
30314034	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse</i>	3	30	15	90		
7.2.4. Kiến thức nghiệp vụ SP, thực hành, thực tập		12					
30312035	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	15	30*	90		1-2
30314001	Thực hành sư phạm	3	0	90*	45		2
30314035	Thực tập tốt nghiệp	6	0	180*	90		3
7.2.5. Khóa luận tốt nghiệp hoặc HP thay thế		6					
30314046	Biên dịch 2 Translation 2	3	30	15	90		3
30314047	Thiết kế ngữ liệu và Ứng dụng CNTT vào giảng dạy tiếng Anh (Material design and IT application in ELT)	3	30	15	90		3
Tổng		130					

Ghi chú: (*): tín chỉ thực hành; Mức đào tạo 1 thực hiện ở kỳ 1, 2, 3; mức 2 thực hiện ở kỳ 4, 5, 6; mức 3 thực hiện ở kỳ 7, 8

8. Kế hoạch dạy học (dự kiến)

Mã HP	Tên học phần	Số TC	1	2	3	4	5	6	7	8	
30411001	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1 Principles of Marxism - Leninism 1	2	2								
30411002	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2 Principles of Marxism - Leninism 2	3		3							
30421002	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2			2						
30421001	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam The Path of the Revolution of the Communist Party of Vietnam	3				3					
30411001	Pháp luật đại cương, QLHCNN&QLN	3			3						
31013123	Phát triển kỹ năng	3			3						
30222124	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3		3							
30211123	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3									
30221126	Tiếng Việt thực hành	3									
30312001	Tư duy phê phán (Critical Thinking)	3									
30322009	Tiếng Trung cơ bản 1	3	3								
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3									
30322010	Tiếng Trung cơ bản 2	3		3							
30322014	Tiếng Việt nâng cao 2	3									
30511001	Tin học đại cương	3	3								
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	1*								
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*		1*							
30992113	Giáo dục thể chất 3	1*			1*						
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3		3							
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2		2							
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*		3*							
30812003	Tâm lý học đại cương	3		3							
30812004	Giáo dục học đại cương	3			3						
30812005	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm	3									
30812006	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3									
30312002	Giao tiếp liên văn hóa	3				3					
30313047	Giao thoa văn hóa	3									
30312003	Văn hóa các nước ASEAN	3									
30313004	Ngôn ngữ và truyền thông <i>Language and Media</i>	3									

30313005	Quản trị văn phòng <i>Office Administration</i>	3							
30312006	Lịch sử văn minh TG <i>History of Civilization</i>	3							
30311007	Kỹ năng Nghe - Nói 1 <i>Listening -Speaking 1</i>	3	3						
30311008	Kỹ năng Đọc- Viết 1 <i>Reading - Writing 1</i>	3	3						
30312009	Kỹ năng Nghe - Nói 2 <i>Listening - Speaking 2</i>	3		3					
30312010	Kỹ năng Đọc - Viết 2 <i>Reading - Writing 2</i>	3		3					
30312011	Kỹ năng Nghe - Nói 3 <i>Listening - Speaking 3</i>	3			3				
30312012	Kỹ năng Đọc - Viết 3 <i>Reading - Writing 3</i>	3			3				
30313013	Kỹ năng Nghe - Nói 4 <i>Listening - Speaking 4</i>	3				3			
30313014	Kỹ năng Đọc- Viết 4 <i>Reading - Writing 4</i>	3				3			
30313029	Kỹ năng Nghe - Nói 5 <i>Listening - Speaking 5</i>	3					3		
30313031	Kỹ năng Đọc- Viết 5 <i>Reading - Writing 5</i>	3					3		
30313015	Kỹ năng Nghe nâng cao <i>Advanced Listening</i>	3						3	
30313016	Kỹ năng Nói nâng cao <i>Advanced Speaking</i>	3						3	
30313017	Kỹ năng Đọc nâng cao <i>Advanced Reading</i>	3						3	
30313018	Kỹ năng Viết nâng cao <i>Advanced Writing</i>	3						3	
30311019	Luyện âm <i>Pronunciation</i>	3	3						
30311020	Ngữ pháp tiếng Anh <i>English Grammar</i>	3	3						
30313025	Biên dịch 1 <i>Translation 1</i>	3						3	
30314028	Ngữ âm – âm vị học <i>Phonetics and phonology</i>	3							3
30313023	Văn hóa– Văn học Anh <i>British Culture and Literature</i>	3					3		
30313024	Văn hóa– Văn học Mỹ <i>American Culture and Literature</i>	3							
30314033	Cú pháp học <i>Syntax</i>	3						3	
30313026	Ngữ pháp chức năng <i>Functional grammar</i>	3							
30314036	Tổng quan phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	3					3		
30314037	PP- Kỹ thuật giảng dạy, kiểm tra đánh giá T. Anh	3							3
30313025	Từ vựng học <i>Lexicology</i>	3					3		
30314022	KN thuyết trình <i>English presentation skills</i>	3							
30314029	Tiếng Anh thương mại <i>Business English</i>	3							
30314030	Tiếng Anh du lịch <i>English for tourism</i>	3							3
30324036	Tiếng Anh kỹ thuật <i>English for Engineering</i>	3							
30324037	Tiếng Anh CNTT <i>English for informatics</i>	3							
30314027	Ngữ dụng học <i>Pragmatics</i>	3							3

30314035	Ngôn ngữ học đối chiếu <i>Contrastive linguistics</i>	3								
30313021	Phiên dịch 1 <i>Interpretation 1</i>	3								
30314034	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse</i>	3								
30312035	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3			3					
30314001	Thực hành sư phạm	3					3			
30314035	Thực tập tốt nghiệp	6								6
30314046	Biên dịch 2 <i>Translation 2</i>	3								3
30314047	Thiết kế ngữ liệu và UDCNTT vào giảng dạy T. Anh	3								3
	Tổng	130	20	18	18.5	13.5	16.5	19.5	12	12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình được thiết kế theo cấu trúc đơn ngành (Single Major), xây dựng trên cơ sở căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Chương trình đào tạo chung được triển khai trong 4 năm được chia làm 8 học kỳ. Việc sắp xếp bố trí các học phần dựa trên cơ sở điều kiện tiên quyết từng học phần, và đảm bảo tính đồng đều về khối lượng đào tạo giữa các kỳ. Mỗi học kỳ, căn cứ vào dự kiến thời khóa biểu của chương trình, các sinh viên đăng ký các học phần, khoa đào tạo xây dựng kế hoạch giảng dạy; Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ tối đa là 6 năm. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp; Người học có thể học vượt tiến độ bằng cách đăng ký nhiều hơn số tín chỉ ở mỗi học kỳ quy định, nhưng thời gian học tập tối thiểu không dưới 3 năm và phải đảm bảo điều kiện tiên quyết các học phần;

- Các học Giáo dục Quốc phòng - An ninh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian, kế hoạch thực hiện học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh tiến hành theo kế hoạch và hợp đồng liên kết giữa Trường Đại học Hà Tĩnh và đối tác có liên quan;

- Người học có khả năng lựa chọn các học phần khác nhau trong gói các học phần tự chọn để đảm bảo phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp cá nhân và nhu cầu của thị trường lao động đối với từng loại hình công việc;

- Chương trình chi tiết, chương trình của các học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần; Chương trình môn học của chuyên ngành sẽ được

đánh giá, xem xét lại hàng năm nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, sửa đổi.

- Từng học kỳ, giảng viên đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy từng học phần có trách nhiệm xây dựng và thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy, đề cương chi tiết học phần theo thời khóa biểu đã xác định. Trong đó cần coi trọng việc kiểm tra và thi kết thúc học phần theo đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giáo dục và đào tạo và quy chế của Trường.

- Căn cứ chương trình của khóa học và kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, Khoa, cố vấn học tập và giảng viên trực tiếp giảng dạy cần hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch học tập cá nhân để từ đó đề ra các giải pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng học tập theo đúng mục tiêu đào tạo của ngành. Chú ý bảo đảm có đủ tài liệu học tập tham khảo cho các học phần quy định trong chương trình.

- Định kỳ Nhà trường và Khoa tổ chức kiểm tra đánh giá chương trình đào tạo, danh mục, thời lượng các học phần để có những điều chỉnh cần thiết nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo

10. Mô tả nội dung các học phần

10.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin **5 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung môn học ban hành theo Công văn số 2488/ BGDĐT- ĐH và SDH ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin

- Nội dung môn học ban hành theo Công văn số 2488/ BGDĐT- ĐH và SDH ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.3. Đường lối cách mạng của Đảng CSVN **3 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Chủ nghĩa Mác-Lênin, TT HCM.

- Nội dung môn học ban hành theo Công văn số 2488/ BGDĐT- ĐH và SDH ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.4. Pháp luật đại cương, QLHCNN và quản lý ngành **3 tín chỉ**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về một số lĩnh vực pháp luật thiết yếu nói riêng như: dân sự, hình sự, hành chính, lao động... làm cơ sở cho việc học các học phần liên quan và có ý thức, thái độ ứng xử phù hợp theo chuẩn mực pháp luật.

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản lí nhà nước, quản lí ngành theo nội dung ban hành tại Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.5. Phát triển kỹ năng

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức Đại cương và Chuyên ngành, cung cấp cho người học các nội dung đại cương về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành; các kỹ năng sống cơ bản và các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử ... cần cho hoạt động học tập, lao động và tham gia vào cuộc sống xã hội.

10.6. Dẫn luận ngôn ngữ học (Introduction to Linguistics)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu được một ngôn ngữ đang học (Tiếng Việt, Tiếng Anh) làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

10.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần gồm có 3 chương, cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về khái niệm văn hóa, văn hóa học, phân biệt văn hóa với các khái niệm gần gũi như văn minh, văn hiến, văn vật; khái quát tiến trình văn hóa Việt Nam và các thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam.

10.8. Tiếng Việt thực hành (Practical Vietnamese)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những tri thức đại cương như trình bày những đặc điểm cơ bản về tiếng Việt; cung cấp phần tri thức chuyên sâu như trình bày các đơn vị, các mặt cụ thể liên quan về mặt ứng dụng tiếng Việt. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên thực hành như phân tích, soạn thảo các văn bản thông dụng tiếng Việt. Những tri thức cơ bản và hiện đại về Tiếng Việt làm cơ sở đối chiếu ngôn ngữ.

10.9. Tư duy phê phán (Critical Thinking)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 1, Đọc – Viết 1

- Nội dung học phần: Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

10.10. Tiếng Trung 1 (Basic Chinese 1)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về bộ môn Tiếng Trung như là một ngôn ngữ nước ngoài, làm cơ sở để học tiếp các học phần tiếp theo. Hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản bao gồm cả ngữ pháp, từ vựng và văn hóa Tiếng Trung. Kết thúc học phần, sinh viên có được lượng kiến thức đủ để tiếp tục học tiếp các học phần Tiếng Trung tiếp theo.

10.11. Tiếng Trung 2 (Basic Chinese 2)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung cơ bản 1

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp vốn từ vựng và ngữ pháp ở mức độ cao hơn, qua các đoạn văn, tình huống giao tiếp. Sinh viên có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản, chào hỏi, làm quen, mua sắm và các tình huống thường gặp, đồng thời cung cấp vốn kiến thức về văn hóa, văn minh, đất nước Trung Hoa.

10.12. Tiếng Việt nâng cao 1

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Chứng chỉ Tiếng Việt dự bị đại học

- Nội dung học phần: Học phần này gồm 12 bài học (từ bài 1-12) với các chủ điểm khác nhau về trường học, tầm quan trọng của sách vở, các tập tục, ngày Tết, ngày lễ hội của Việt Nam. Mỗi đơn vị bài học gồm 4 phần: đọc, ngữ pháp, nghe, luyện tập. Phần luyện tập được thiết kế dưới dạng rèn luyện đọc hiểu, thực hành ngữ pháp, nghe hiểu, nghe viết, kể chuyện nhằm rèn luyện, củng cố và nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho người học.

10.13. Tiếng Việt nâng cao 2

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt Nâng Cao 1

- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Việt nâng cao 2 bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Các bài đọc về văn hóa, con người Việt Nam xoay quanh chủ đề du lịch: sở

thích mua sắm; địa danh: (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Chợ Bến Thành...) làng nghề truyền thống; văn hóa ăn uống của người Việt; các lễ hội; văn hóa ứng xử;...Ngoài ra, SV còn được cung cấp các CD, DVD nhằm có được các hình ảnh minh họa chân thực, sát với nội dung bài học phát huy được khả năng ngôn ngữ: nghe hiểu; đọc hiểu; viết; nói.

10.14. Tin học đại cương

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên: Những vấn đề chung về tin học và máy tính. Hệ điều hành. Soạn thảo văn bản trong Microsoft Word; Sử dụng bảng tính điện tử Microsoft Excel. Phần mềm trình diễn Microsoft PowerPoint.

10.15. Tâm lý học đại cương

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp hững vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý. Các khái niệm: tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách. Các hoạt động tâm lý người: nhận thức, tình cảm, ý chí.

10.16. Giáo dục học đại cương

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản về khoa học giáo dục. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Lý luận cơ bản về dạy học và giáo dục. Mục đích, nhiệm vụ và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường. Hệ thống giáo dục quốc dân.

10.17. Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Nội dung học phần: Tâm lý học lứa tuổi (mô tả khái quát về đặc điểm các giai đoạn phát triển của cá nhân từ sơ sinh đến trưởng thành); Tâm lý học sư phạm (những cơ sở tâm lý học của các hoạt động dạy học và giáo dục trẻ em).

10.18. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

- Nội dung học phần: Lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) trong nhà trường; lý luận và thực hành đo lường, đánh giá trong giáo dục.

10.19. Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 2, Đọc – Viết 2

- Nội dung học phần: Học phần được thực hiện sau khi sinh viên đã có vốn kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. Học phần có vai trò giúp sinh viên nâng cao nhận thức

về sự khác biệt giữa các nền văn hóa khác nhau, và cung cấp những cơ hội thực hành ngôn ngữ nhằm phát triển năng lực liên văn hóa. Học phần bao gồm 2 phần chính: Phần thứ nhất gồm 2 module tìm hiểu một số khái niệm liên văn hóa; Phần thứ hai có 8 module cung cấp những hoạt động cho phép sinh viên nhìn nhận về nền văn hóa của riêng mình, cũng như xem xét các ví dụ điển hình từ các nền văn hóa khác từ đó sinh viên có thể đánh giá được sự khác biệt và các mối quan hệ liên văn hóa.

10.20. Văn hóa các nước ASEAN (ASEAN Cultures)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 1, Đọc – Viết 1.

- Nội dung học phần: Học phần được thực hiện sau khi sinh viên đã có vốn kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. Học phần có vai trò cung cấp cho sinh viên thêm cơ hội thực hành và phát triển năng lực tiếng thông qua việc tìm hiểu những mảng đề tài nhất định; từ đó sinh viên tích lũy và củng cố vốn từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng giao tiếp, trình bày thông tin. Học phần bao gồm 4 nội dung chính: Phần thứ nhất cung cấp một số kiến thức về các quốc gia Đông Nam Á thời cổ đại; Phần thứ hai nói về quá trình các quốc gia này bị thực dân đô hộ; Phần thứ ba nói về Đông Nam Á thời kỳ hiện đại, đặc biệt nhấn mạnh việc tham gia vào tổ chức ASEAN; Phần cuối đưa ra một số dự đoán về tương lai của Đông Nam Á

10.21. Ngôn ngữ và truyền thông (Language and Mass Media)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 2, Đọc – Viết 2

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và có tính liên ngành về truyền thông và mối quan hệ giữa ngôn ngữ với những địa hạt trên để từ đó người học có những tiếp cận sâu sắc và thực tế đối với hình thức giao tiếp cộng đồng mang tính bản sắc này. Qua đó người học cũng sẽ nắm được quy trình và những công việc cần làm đối với các sản phẩm ngôn ngữ truyền thông mang tính tiếp thị.

10.22. Quản trị văn phòng (Office Administration)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 2, Đọc – Viết 2.

- Nội dung học phần: Học phần quản trị văn phòng gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được những kiến thức cơ bản nhất về quản trị hành chính văn phòng. Cụ thể, học phần giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về công tác hành chính văn phòng, văn phòng phẩm, tổ chức văn phòng, quản lý hồ sơ, nhân sự và các trang thiết bị ở văn phòng. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị những kỹ năng như kỹ năng sử dụng các trang thiết bị, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng giao dịch qua thư điện tử....

10.23. Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 1, Đọc – Viết 1.

- Nội dung học phần: Học phần Lịch sử văn minh thế giới giới thiệu một cách khái quát và cơ bản nhất sự hình thành và phát triển của một số trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới như Lưỡng Hà, Ai Cập, Hy Lạp, La mã, Văn minh phương Tây hiện đại, vv... Qua đó, sinh viên hiểu và đánh giá được vai trò và tác động của các nền văn minh đối với các giai đoạn lịch sử tiếp theo cũng như đối với xã hội con người ngày nay. Sinh viên có cơ hội thực hành tiếng, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học trong các học phần kỹ năng giao tiếp, cũng như tích lũy và trau dồi thêm vốn từ mới.

10.24. Kỹ năng Nghe - Nói 1 (Listening - Speaking 1)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần Nghe - Nói 1 gồm 12 chủ đề và một 1 bài rèn luyện thực hành, bao gồm 45 tiết thực hiện trong 15 tuần: cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, cấu trúc ngữ pháp, phương thức phát âm và các hoạt động nghe đa dạng nhằm giúp người học nghe hiểu các chủ đề thông thường: bạn bè, gia đình, nghề nghiệp, xã hội, sở thích, thể thao, học tập, công việc... Kỹ năng nói giúp sinh viên học giới thiệu về bản thân, gia đình, những người xung quanh; kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng thu hút sự chú ý, cách gợi ý và trả lời gợi ý, cách đưa lí do đồng ý hay phản đối điều gì, cách hỏi ý kiến và đưa ra ví dụ, cách nói về sự giống và khác nhau, cách yêu cầu nói lại hay giải thích rõ điều gì, cách dành thời gian suy nghĩ trước khi nói, cách hỏi thêm thông tin và cách diễn đạt.

10.25. Kỹ năng Đọc - Viết 1 (Reading - Writing 1)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc - Viết 1 gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh năm nhất trường Đại học Hà Tĩnh đạt được năng lực đọc, viết ở trình độ sơ cấp (A2) Cụ thể, học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc hiểu như: đọc lấy ý chính, đọc lấy thông tin chi tiết, phân biệt câu chủ đề và ý chính, kỹ năng suy luận, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh và phân tích từ thông qua các bài đọc đó giúp sinh viên sử dụng vốn ngữ pháp cơ bản để diễn tả ý tưởng hiệu quả và phù hợp với chủ đề, thể loại trong kỹ năng viết. Học phần này cũng là tiền đề cơ sở cho các học phần Kỹ năng Đọc-Viết 2 và Tư duy phê phán.

10.26. Kỹ năng Nghe - Nói 2 (Listening - Speaking 2)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 1

- Nội dung học phần: Học phần Nghe - Nói 2 gồm 12 chủ đề và một bài luyện tập, một bài ôn tập, có thời lượng 45 tiết được thực hiện trong 15 tuần. Nghe để nắm ý chính, nghe câu hỏi để đoán ý chính và nội dung, nghe để nắm cấu trúc. Nội dung của các bài nghe liên quan đến các vấn đề của cuộc sống hằng ngày như vấn đề sức khoẻ và dinh dưỡng, xã hội học, văn hoá, giáo dục, kinh doanh... Nội dung các bài luyện nói về lời khuyên và lời gợi ý, cách khuyến khích giao tiếp, cách chuyển chủ đề, cách yêu cầu làm rõ hay giải thích vấn đề, đồng ý hay không đồng ý, cách giải thích nghĩa từ mà mình không biết, cách đặt câu hỏi, cách để nói trước đám đông hiệu quả, cách sử dụng và đề cập đến đồ dùng trực quan và cách bác bỏ ý kiến khi tranh luận.

10.27. Kỹ năng Đọc - Viết 2 (Reading - Writing 2)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc - Viết 1

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc - Viết 2 gồm 12 chủ đề bài học với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực đọc và viết ở trình độ trung cấp (B1). Cụ thể, học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc hiểu như: đọc lấy ý chính, đọc lấy thông tin chi tiết, phân biệt câu chủ đề và ý chính, kỹ năng suy luận, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh và phân tích từ. Về kỹ năng viết, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng để viết một bài văn mang tính học thuật với ba thành phần bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai ý và câu kết luận.

10.28. Kỹ năng Nghe - Nói 3 (Listening - Speaking 3)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 2

- Nội dung học phần: Học phần Nghe - Nói 3 gồm 12 chủ đề và một bài thực hành luyện tập, một bài ôn tập, có thời lượng 45 tiết được thực hiện trong 15 tuần. Phần nghe tập trung vào các kỹ năng: nghe để nắm ý chính, nghe câu hỏi để đoán ý chính và nội dung, nghe để nắm cấu trúc. Nội dung của các bài nghe liên quan đến các vấn đề của cuộc sống như tâm lý học, xã hội học, y tế, lịch sử, vv.. Phần nói tập trung vào các nội dung chính sau: Cách bày tỏ sự quan tâm đến những điều mình nghe, cách đưa ví dụ, cách đưa ra lí do, cách thay đổi và đề cập lại chủ đề, cách ngắt lời một cách lịch sự, cách đề nghị làm rõ hay xác nhận thông tin, cách đóng góp thêm ý kiến vào một cuộc thảo luận, cách chuộc lỗi, cách tránh trả lời câu hỏi trực tiếp khi thuyết trình và cách giải thích từ mình không biết.

10.29. Kỹ năng Đọc - Viết 3 (Reading - Writing 3)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc - Viết 2

- Nội dung học phần: Học phần Đọc - Viết 3 gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực đọc ở trình độ trên trung cấp

(B2). Cụ thể, học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, sáng tạo cùng với các kỹ năng đọc như: đọc lấy ý chính, đọc lấy thông tin chi tiết, phân biệt câu chủ đề và ý chính, kỹ năng suy luận, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh và phân tích từ, v.v. Ngoài ra, kỹ năng tóm tắt và đọc hiểu sơ đồ, bảng biểu cũng được nhấn mạnh. Về kỹ năng viết, sinh viên sẽ học cách phát triển một đoạn văn thành một bài luận chặt chẽ đủ ba phần: mở bài, thân bài, và kết bài. Sau đó, sinh viên thực hành viết năm loại bài văn bao gồm: miêu tả, so sánh và tương phản, đưa ra nguyên nhân và kết quả, giải thích vấn đề và đưa ra cách giải quyết, cho ý kiến về các chủ đề cập nhật.

10.30. Kỹ năng Nghe - Nói 4 (Listening - Speaking 4)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 3

- Nội dung học phần: Học phần Nghe - Nói 4 gồm 12 chủ đề, một bài thực hành luyện tập và một bài ôn tập được thực hiện trong 15 tuần. Học phần tập trung vào các kỹ năng nghe và nói: Nghe để nắm ý chính, nghe câu hỏi để đoán ý chính và nội dung, nghe để nắm cấu trúc. Nội dung của các bài nghe liên quan đến chủ đề trừu tượng, cần vốn từ phong phú như sự hoài cổ, sự ngổn ngang, di sản, sự phát triển, xung đột... Nói học về cách ngắt lời ai đó, đồng ý hay không đồng ý một cách trịnh trọng, cách chỉ rõ nguồn thông tin, cách bao quát cuộc hội thoại, cách ủng hộ đề xuất, cách nhấn mạnh tầm quan trọng của thông tin, cách thương lượng, cách thêm ý kiến khi tranh luận, cách giảm nhẹ lời chỉ trích và cách xử lý xung đột.

10.31. Kỹ năng Đọc - Viết 4 (Reading - Writing 4)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc - Viết 3

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc - Viết 4 gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh năm hai trường Đại học Hà Tĩnh đạt được năng lực đọc- viết ở trình độ cao cấp chuẩn CAE. Cụ thể, học phần giúp sinh viên tích lũy vốn từ vựng lớn, nâng cao, phát triển các kỹ năng đọc- viết cho phép giao tiếp dễ dàng và tự nhiên, cụ thể diễn đạt ngôn ngữ đọc- viết tự nhiên mà hầu như không cần cố gắng, nếu có thiếu hụt về từ vựng khi đọc, người học có thể vận dụng ngữ cảnh để hiểu; nếu có áp úng khi viết, người học có thể dễ dàng bởi một cụm từ hay cấu trúc tương đương. Học phần này là học phần quyết định chuẩn năng lực đọc – viết (CAE) của sinh viên chuyên ngữ Anh và là tiền đề cho học phần Đọc - Viết nâng cao theo chuẩn IELTS.

10.32. Kỹ năng Nghe - Nói 5 (Listening - Speaking 5)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 4

- Nội dung học phần: Học phần Nghe - Nói 5 gồm 12 chủ đề, một bài thực hành luyện tập và một bài ôn tập được thực hiện trong 15 tuần. Học phần tập trung vào các kỹ

năng nghe và nói: Nghe để nắm ý chính, nghe câu hỏi để đoán ý chính và nội dung, nghe để nắm cấu trúc..., quyết định chuẩn năng lực gần bậc 5 theo khung năng lực ngôn ngữ 6 bậc.

10.33. Kỹ năng Đọc - Viết 5 (Reading - Writing 5)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc - Viết 4

- Nội dung học phần: Học phần Kỹ năng Đọc - Viết 5 gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh đạt được năng lực đọc- viết ở trình độ cao cấp chuẩn CAE, gần bậc 5 theo khung năng lực ngôn ngữ 6 bậc.

10.34. Kỹ năng Nghe nâng cao (Advanced Listening)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 5.

- Nội dung học phần: Nghe nâng cao có thời lượng 45 giờ tín chỉ. Học phần này gồm 10 bài, được thực hiện trong 15 tuần. Học phần nhằm cung cấp cấu trúc và từ ở trình độ cao (advanced) để có thể nghe các loại văn bản với tốc độ nhanh, giọng điệu đa dạng. Mục tiêu đầu ra về năng lực của sinh tương đương với bậc 5 – Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

10.35. Kỹ năng Nói nâng cao (Advanced Speaking)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 5

- Nội dung học phần: Nói nâng cao được soạn thảo dựa trên cơ sở người học đã học xong chương trình Nghe – Nói 1,2,3,4. Học phần này nhằm cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh lưu loát và phối hợp các kỹ năng để giao tiếp một cách nhanh chóng. Sinh viên sẽ được tham gia các hoạt động nói đa dạng: one-on-one, small group và big group. Mục tiêu của học phần là cung cấp ngữ liệu và phương pháp nói tiếng Anh đạt bậc 5 – Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

10.36. Kỹ năng Đọc nâng cao (Advanced Reading)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Học phần kỹ năng Đọc nâng cao gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực đọc ở trình độ cao cấp. Cụ thể, học phần giúp sinh viên tích lũy vốn từ vựng lớn, nâng cao, phát triển các kỹ năng đọc và làm các bài thi đọc, cụ thể đọc một cách tự nhiên, người học có thể vận dụng ngữ cảnh để hiểu. Yêu cầu về mức độ phức tạp của ngữ liệu tương đương với bậc 5 – khung năng lực 6 bậc của Việt Nam.

10.37. Kỹ năng Viết nâng cao (Advanced Writing)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc - Viết 5

- Nội dung học phần: Học phần kỹ năng Viết nâng cao gồm 12 chủ đề với thời lượng 3 tín chỉ được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực viết ở trình độ cao cấp chuẩn IELTS từ 6.5 trở lên. Cụ thể, học phần giúp sinh viên tích lũy vốn từ vựng nâng cao, phát triển các kỹ năng viết, các dạng bài viết cho phép diễn đạt ngôn ngữ viết tự nhiên. Mục tiêu của học phần là cung cấp ngữ liệu và phương pháp viết tiếng Anh đạt bậc 5 – Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

10.38. Luyện âm (Pronunciation Practice)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết yếu nhất về phát âm ở trình độ trung cấp, từ những nguyên âm và phụ âm riêng lẻ, cho đến trọng âm của từ và của câu. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những hướng dẫn về cách phát âm trong các cuộc đối thoại, bao gồm ngữ điệu trong khi kể chuyện, hỏi và trả lời. Học phần nhấn mạnh vào phần thực hành của sinh viên.

10.39. Ngữ pháp tiếng Anh (English Grammar)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần bao gồm có 12 chủ đề ngữ pháp và từ vựng ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate) như: các thì của động từ; các loại câu điều kiện; câu bị động; câu gián tiếp trực tiếp; mệnh đề quan hệ; các dạng so sánh của tính từ, trạng từ; cách sử dụng từ loại: danh từ, giới từ, mạo từ, ... Học phần là nền tảng để người học tiếp thu các môn học kỹ năng thực hành tiếng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

10.40. Biên dịch 1 (Translation 1)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc – Viết 4

- Nội dung học phần: Học phần Biên dịch 1 giúp sinh viên thực hành các kỹ năng biên dịch. Cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ trong các lĩnh vực khác nhau (giáo dục, y tế, sức khỏe, môi trường, du lịch...) qua các chủ đề biên dịch. Sinh viên nắm được các thể loại Dịch thuật cũng như các chiến thuật cần nắm vững trong dịch thuật.

10.41. Phiên dịch 1 (Interpretation 1)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 1

- Nội dung học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản của hoạt động phiên dịch nói chung và phiên dịch Tiếng Anh - Tiếng Việt và ngược lại nói riêng. Tạo cơ hội cho sinh viên được rèn luyện phiên dịch ở một số lĩnh vực thông dụng.

10.42. Văn hóa - Văn học Anh (Britain studies - English Literature)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 3, Đọc – Viết 3.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử văn học Anh, các giai đoạn phát triển, các trào lưu văn học qua các thời kỳ, các tác giả nổi tiếng, cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Anh. Bên cạnh đó người học được hiểu về hệ thống giá trị, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của đất nước

10.43. Văn hóa – Văn học Mỹ (America Studies – America Literature) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe – Nói 3, Đọc – Viết 3.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về đất nước, con người và lịch sử nền văn học Mỹ, hệ thống giá trị, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của đất nước Mỹ, làm nền tảng cho tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động giao tiếp liên văn hóa.

10.44. Từ vựng học (Lexicology) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nghe - Nói 3, Đọc – Viết 3 .

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về từ vựng học, bao gồm kiến thức về nghĩa và phương pháp nghiên cứu từ vựng, giúp sinh viên có kiến thức nhất định trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Phát triển ở sinh viên năng lực tự nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá một số thuyết về từ vựng học. Tạo cho sinh viên cơ hội tiếp cận và phát triển một số thủ pháp nghiên cứu ngôn ngữ học cụ thể.

10.45. Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao về ngữ pháp Tiếng Anh thực hành và vận dụng một cách thành thục trong quá trình học, làm cơ sở cho việc nghiên cứu phân tích sâu hơn về cú pháp ở học phần tiếp theo.

10.46. Ngữ dụng học (Pragmatics) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nói nâng cao, Viết nâng cao

- Nội dung học phần: Học phần này gồm 8 phần chính. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa học bao gồm kiến thức về nghĩa và phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học và cách người bản xứ sử dụng ngôn ngữ của họ trong giao tiếp, giúp sinh viên có kiến thức nhất định phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu sau này. Học phần còn đưa ra một số thuyết ngữ nghĩa học có giá trị vận dụng nghiên cứu ngôn ngữ và giảng dạy.

10.47. Ngữ âm – Âm vị học (Phonetics - Phonology) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Luyện âm.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học, những thuật ngữ cần thiết để miêu tả âm thanh lời nói và ký hiệu phiên âm Tiếng

Anh, những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm Tiếng Anh và các quy luật biến đổi của âm vị Tiếng Anh. Học phần còn cung cấp các yếu tố siêu đoạn tính để có thể tự hoàn thiện kỹ năng phát âm của bản thân, qua đó phát triển kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể liên quan trong lĩnh vực này. Sinh viên có khả năng phát âm tốt và có khả năng tự điều chỉnh phát âm cho bản thân để vận dụng có hiệu quả cho công việc giảng dạy sau này.

10.48. Tiếng Anh thương mại (Business English)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Đọc 4, Viết 4

- Nội dung học phần: Học phần này gồm 12 đơn vị bài học chính được chọn lọc dựa theo chủ đề từ bài 1 đến bài 12 và được giảng dạy trong 45 tiết học theo học chế tín chỉ, học phần nhằm giúp cho sinh viên chuyên ngữ nắm vững những kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành thương mại, góp phần hoàn thiện khả năng giao tiếp tiếng Anh, sử dụng thành thạo tiếng Anh để xử lý các tình huống liên qua đến hoạt động thương mại.

10.49. Tiếng Anh du lịch (English for Tourism)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nói 4, Nghe 4

- Nội dung học phần: Học phần này gồm 12 đơn vị bài học chính được chọn lọc dựa theo chủ đề từ bài 1 đến bài 12 trong giáo trình, và được giảng dạy trong 45 tiết học theo học chế tín chỉ, học phần nhằm giúp cho sinh viên chuyên ngữ nắm vững những kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành du lịch, khách sạn, và các dịch vụ du lịch góp phần hoàn thiện khả năng giao tiếp tiếng Anh, sử dụng thành thạo tiếng Anh để xử lý các tình huống liên qua đến hoạt động du lịch.

10.50. KN thuyết trình T. Anh (Presentation Skills in English)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nói nâng cao

- Nội dung học phần: Kỹ năng thuyết trình là môn khoa học ứng dụng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình và hiểu được tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình. Đây cũng là một kỹ năng quan trọng, giúp sinh viên học được tính nghiêm túc, cẩn trọng trong cử chỉ và lời nói. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có sự tự tin khi trình bày các công trình nghiên cứu khoa học, khóa luận, báo cáo khoa học trước đám đông vv... Sau khi tốt nghiệp, kỹ năng thuyết trình sẽ giúp sinh viên tự tin, thành công hơn ở nơi làm việc.

10.51. Cú pháp học (Syntax)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp và phương pháp nghiên cứu cú pháp Tiếng Anh, phân tích cú pháp, giúp sinh viên có kiến thức nhất định phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ.

10.52. Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Nói nâng cao – Viết nâng cao.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về phương pháp phân tích diễn ngôn trong Tiếng Anh, hình thành kỹ năng phân tích, nghiên cứu về hoạt động tạo văn bản (bao gồm văn bản nói và viết), tìm hiểu sâu về các phương pháp ẩn dụ, hàm ngôn, ... trong ngôn ngữ Anh từ đó giúp hiểu văn bản tốt hơn, nâng cao hiệu quả giao tiếp và khả năng dịch thuật.

10.53. Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 1, Phiên dịch 1

- Nội dung học phần: Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa. Việc tiếp cận các sự kiện ngôn ngữ bao giờ cũng liên đới với các sự kiện văn hóa của ngôn ngữ tương ứng, liên đới chứ không đồng nhất, không lẫn lộn, ngay cả trường hợp ngôn ngữ được xem như một sự kiện văn hóa.

Vốn bản thân sự tồn tại của ngôn ngữ ở dạng tĩnh (hệ thống cấu trúc) hay dạng động (hành vi ngôn ngữ trong hành chức, trong hoạt động) bao giờ cũng bị chế định bởi thuộc tính ngôn ngữ và văn hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện cái giống và cái khác phải từ các sự kiện ngôn ngữ mà xét rồi mới nói đến văn hóa như là hệ quả, nguyên nhân. Không nên sa đà vào hiện tượng không xác định để bình tán mà phải bám vào đặc điểm ngôn ngữ thuộc ngữ hệ, loại hình xác định để thấy rõ cấu tạo cũng như hoạt động của chúng.

Việc nghiên cứu có tính xuyên ngữ, xuyên cấp độ nhưng bao giờ cũng phải bắt đầu từ cấp độ, phạm trù, bình diện, hành vi ngôn ngữ xác định để đối chiếu thì kết quả mới xác đáng và có giá trị lý luận, ứng dụng thiết thực.

10.54. Phiên dịch 2 (Interpretation 2)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 1

- Nội dung học phần: Học phần nhằm tạo cơ hội cho sinh viên được rèn luyện một cách thuần thục hơn những tình huống phiên dịch thông dụng và nâng cao kỹ năng

phiên dịch của sinh viên qua các tình huống yêu cầu cao hơn như hội nghị, phiên dịch trực tuyến ...

10.55. Biên dịch 2 (Translation 2)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 1

- Nội dung học phần: Biên dịch 2 giới thiệu một số vấn đề cơ bản nhất về lý thuyết dịch liên quan đến dịch chuyên đề, đồng thời hình thành những kỹ năng dịch thông qua thực hành dịch các đoạn văn ngắn thuộc các chủ đề Legal issue, Social issues, Banking, Finance, Economy, Politics, Trading and Art từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích.

10.56. Tổng quan lý thuyết giảng dạy Tiếng Anh (Overview of English Teaching Methodology)

3

tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần kỹ năng Nói, Viết 5

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, các quan điểm giảng dạy ngoại ngữ, cách nhìn khái quát về sự thay đổi trong quan điểm dạy ngoại ngữ qua từng giai đoạn. Học phần tạo cơ hội giúp sinh viên có quan điểm độc lập và tìm ra cho mình định hướng trong việc giảng dạy bộ môn Tiếng Anh phù hợp với cá nhân sinh viên và đối tượng học sinh PTTH.

10.57. Phương pháp - Kỹ thuật giảng dạy, kiểm tra đánh giá Tiếng Anh (Methods, Techniques, testing and assessment in ELT)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan phương pháp giảng dạy Tiếng Anh.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp một số kỹ thuật cơ bản để thiết kế và giảng dạy các bài học ngữ pháp, từ vựng, phương pháp điều hành lớp học, sử dụng các hoạt động trong lớp học. Học phần đồng thời tạo cơ hội để thực hành các kỹ thuật và đánh giá tiết dạy và rút kinh nghiệm cho sinh viên qua những bài dạy mẫu, qua đó giúp sinh viên độc lập, sáng tạo trong hoạt động giảng dạy và thiết kế bài giảng. Cung cấp lý luận về kiểm tra, đánh giá học sinh và tổng quan về các phương pháp đánh giá học sinh phổ thông, giúp sinh viên tự tìm cho mình quan điểm đánh giá học sinh phù hợp, đồng thời giúp sinh viên thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá các bài kiểm tra.

10.58. Thiết kế ngữ liệu và ứng dụng CNTT vào giảng dạy Tiếng Anh (Material Design and IT Application in English Language Teaching)

3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp một số kỹ thuật cơ bản để thiết kế ngữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin vào các bài giảng tiếng Anh ở trường phổ thông.

Qua đó giúp sinh viên độc lập, sáng tạo trong hoạt động giảng dạy và thiết kế bài giảng một cách linh hoạt, hiệu quả và phát huy tốt sự phát triển của công nghệ vào giảng dạy tiếng Anh.

10.59. Rèn luyện NVSP thường xuyên (Professional Development) 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

- Nội dung học phần: Học phần nhằm tạo cho sinh viên có cơ hội rèn luyện những kỹ năng liên quan đến công tác giảng dạy tại trường THPT, những phương pháp cơ bản để tiếp cận học sinh, phương pháp gây hứng thú học tập đối với học sinh, phương pháp trình bày bài học, cũng như phương pháp tổ chức hoạt động học tập trên lớp và ngoại khoá cho học sinh THPT.

10.60. Thực hành sư phạm 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan phương pháp giảng dạy tiếng Anh.

- Nội dung học phần: Học phần tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp cận các bài giảng môn Tiếng Anh ở các trường PTTH, thực hành việc đánh giá các bài dạy, phân tích, tổng hợp và rút kinh nghiệm cho bản thân về các bài dạy mẫu của giáo viên ở trường PTTH. Học phần này cũng tạo cho sinh viên có cơ hội được tiếp cận với học sinh, tham gia các hoạt động chủ nhiệm lớp, Đoàn, giáo dục học sinh và trao đổi với giáo viên về các vấn đề liên quan đến giảng dạy Tiếng Anh và giáo dục học sinh phổ thông. Kết thúc học phần, sinh viên cần có cách nhìn nhận độc lập về thực tế tại các trường PTTH, đúc rút được kinh nghiệm cho bản thân về hoạt động dạy học và giáo dục học sinh, chuẩn bị chu đáo cho học phần thực tập sư phạm tiếp theo. Thời gian của thực tập sư phạm 1 là 4 tuần.

10.61. Thực tập sư phạm (Teaching Practicum) 6 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Thực hành sư phạm

- Nội dung học phần: Học phần này nhằm tạo cơ hội cho sinh viên được áp dụng những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và giáo dục, cũng như các kỹ thuật giảng dạy được học vào thực tế tại các trường PTTH. Sinh viên sẽ có cơ hội giảng dạy thực tế tại trường phổ thông, với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và được đánh giá các tiết dạy của mình cũng như được phân tích, góp ý về tiết dạy. Sinh viên cũng có cơ hội tham gia trực tiếp các hoạt động giáo dục học sinh như làm công tác chủ nhiệm, đánh giá học sinh, tiếp xúc với phụ huynh và các tổ chức trong nhà trường về các hoạt động giáo dục học sinh. Trong thời gian này, sinh viên sẽ được tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến công tác giảng dạy hoặc giáo dục học sinh. Kết thúc học phần, sinh viên cần có cách nhìn tổng quan và sâu sắc các hoạt động giảng dạy và giáo dục đang diễn ra trong trường PTTH, đúc rút kinh nghiệm cho bản thân, trở nên thuần thục trong việc soạn giáo án, thiết kế bài giảng, kỹ thuật giảng dạy, điều hành lớp học, kiểm tra đánh giá học sinh ... cũng

như có một đề tài nghiên cứu ban đầu có ý nghĩa cho hoạt động giảng dạy sau này của sinh viên.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

TP. ĐÀO TẠO
(Ký tên)

P. TRƯỞNG KHOA
(Ký tên)

PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ

TS. Nguyễn Hoài Sanh

ThS. Trần Minh Đức